QUỐC HỘI

Luật số: /2025/QH15

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

DỰ THẢO

# LUẬT TÌNH TRẠNG KHẨN CẤP

*Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;*

*Quốc hội ban hành Luật Tình trạng khẩn cấp.*

## Chương I
## NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

### Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Luật này quy định về thẩm quyền, trình tự, thủ tục ban bố, công bố, bãi bỏ tình trạng khẩn cấp; các biện pháp được áp dụng trong tình trạng khẩn cấp; các biện pháp chuẩn bị ứng phó với tình trạng khẩn cấp; các biện pháp ứng phó, khắc phục hậu quả do tình trạng khẩn cấp; quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong tình trạng khẩn cấp.

### Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. *Tình trạng khẩn cấp* là khi trong cả nước, một hoặc nhiều địa phương có thảm họa lớn đe dọa hoặc gây thiệt hại nghiêm trọng đến tài sản của Nhà nước và tổ chức, tính mạng, sức khoẻ, tài sản của Nhân dân, quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội thì cấp có thẩm quyền ban bố, công bố các biện pháp đặc biệt nhằm kịp thời ngăn chặn; hạn chế và khắc phục hậu quả xảy ra, nhanh chóng ổn định tình hình.

2. Thảm hoạ lớn là biến động do thiên nhiên, dịch bệnh nguy hiểm lây lan trên diện rộng hoặc do con người, hậu quả chiến tranh gây ra đe dọa hoặc làm thiệt hại nghiêm trọng về người, tài sản, môi trường, quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội vượt quá khả năng ứng phó, khắc phục của chính quyền.

*3. Hàng hóa, dịch vụ thiết yếu* là hàng hóa, dịch vụ quan trọng đối với đời sống người dân, cộng đồng mà Nhà nước phải bảo đảm duy trì và thực hiện vì lợi ích cộng đồng trong tình trạng khẩn cấp.

### Điều 3. Nguyên tắc hoạt động trong tình trạng khẩn cấp

1. Đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý thống nhất của Nhà nước; phát huy vai trò, sự tham gia của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội, các đoàn thể và Nhân dân.

2. Bảo đảm sự lãnh đạo, chỉ đạo thống nhất, xuyên suốt từ Trung ương đến địa phương, có sự phân công, phân cấp, phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan,

tổ chức và lực lượng trong tình trạng khẩn cấp; huy động hệ thống chính trị, đặc biệt là ở cơ sở; phát huy vai trò, trách nhiệm người đứng đầu các cấp, các ngành, bám sát thực tiễn, linh hoạt trong chỉ đạo, điều hành.

3. Huy động sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân và sự tham gia tích cực của cộng đồng doanh nghiệp, Nhân dân cả nước với yêu cầu đặt tính mạng, sức khỏe của Nhân dân lên trên hết, trước hết; tạo mọi điều kiện thuận lợi cho người dân.

4. Thực hiện phương châm "bốn tại chỗ" kết hợp với chi viện, hỗ trợ của trung ương, địa phương và cộng đồng quốc tế; chủ động đánh giá nguy cơ xảy ra thảm họa lớn, dịch bệnh nguy hiểm và áp dụng các biện pháp trong tình trạng khẩn cấp phù hợp để ứng phó, khắc phục kịp thời hậu quả tình trạng khẩn cấp, bảo vệ Nhân dân, cơ quan, tổ chức và nền kinh tế quốc dân, hạn chế thấp nhất thiệt hại về người, tài sản, ổn định đời sống Nhân dân, chú ý đến đối tượng dễ bị tổn thương.

5. Tăng cường tính tự chủ, chủ động trong ứng phó với tình trạng khẩn cấp; bảo đảm hài hòa, chặt chẽ, hiệu quả giữa các biện pháp ứng phó với tình trạng khẩn cấp.

6. Tăng cường nghiên cứu khoa học cơ bản, tăng cường ứng dụng các phương tiện kỹ thuật hiện đại như Internet, điện toán đám mây, dữ liệu lớn, trí tuệ nhân tạo trong công tác ứng phó với tình trạng khẩn cấp.

7. Các biện pháp ứng phó với tình trạng khẩn cấp phù hợp với tính chất, mức độ và phạm vi nguy hại của tình huống khẩn cấp; nếu có nhiều biện pháp để lựa chọn, phải chọn biện pháp bảo vệ quyền lợi của công dân, pháp nhân và tổ chức khác ở mức độ cao nhất và gây ít thiệt hại nhất đến quyền lợi của người khác và môi trường sinh thái và kịp thời điều chỉnh theo tình hình thay đổi, đảm bảo hiệu quả, khoa học, chính xác.

8. Nhà nước hợp tác và trao đổi với các chính phủ nước ngoài và các tổ chức quốc tế liên quan trong công tác phòng ngừa và chuẩn bị, giám sát và cảnh báo, ứng phó khẩn cấp và cứu trợ, khôi phục và tái thiết hậu quả của tình trạng khẩn cấp.

**Điều 4. Nguyên tắc áp dụng các biện pháp hạn chế quyền công dân, quyền của cơ quan, tổ chức, cá nhân**

1. Việc áp dụng các biện pháp hạn chế quyền công dân, quyền của cơ quan, tổ chức, cá nhân phải bảo đảm có mục đích chính đáng.

2. Việc áp dụng các biện pháp hạn chế quyền công dân, quyền của cơ quan, tổ chức, cá nhân phải bảo đảm tương xứng.

3. Việc áp dụng các biện pháp hạn chế quyền công dân, quyền của cơ quan, tổ chức, cá nhân phải bảo đảm không phân biệt đối xử.

4. Việc áp dụng các biện pháp hạn chế quyền công dân, quyền của cơ

quan, tổ chức, cá nhân phải bảo đảm có căn cứ rõ ràng.

**Điều 5. Áp dụng Luật tình trạng khẩn cấp và các luật có liên quan**

1. Thẩm quyền, trình tự, thủ tục, các biện pháp áp dụng trong tình trạng khẩn cấp trên lãnh thổ Việt Nam được thực hiện theo quy định của Luật này và quy định của pháp luật có liên quan.

2. Trường hợp luật khác ban hành trước ngày Luật Tình trạng khẩn cấp có hiệu lực thi hành có quy định khác về thẩm quyền, trình tự, thủ tục, các biện pháp áp dụng trong tình trạng khẩn cấp mà không trái với nguyên tắc quy định tại Điều 4 của Luật này thì thực hiện theo quy định của luật đó.

3. Trường hợp luật khác ban hành sau ngày Luật Tình trạng khẩn cấp có hiệu lực thi hành cần quy định đặc thù về việc áp dụng các biện pháp đặc biệt trong tình trạng khẩn cấp thì phải xác định cụ thể nội dung thực hiện.

**Điều 6. Khiếu nại, khởi kiện, tố cáo**

1. Công dân có quyền khiếu nại, khởi kiện, tố cáo hành vi vi phạm pháp luật về tình trạng khẩn cấp.

2. Khiếu nại, khởi kiện, tố cáo trong tình trạng khẩn cấp được thực hiện theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo và pháp luật có liên quan.

**Điều 7. Xử lý vi phạm trong tình trạng khẩn cấp**

1. Người nào vi phạm quy định của pháp luật về tình trạng khẩn cấp thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử lý vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

2. Người lạm dụng chức vụ, quyền hạn hoặc thiếu trách nhiệm trong thi hành Nghị quyết ban bố hoặc Lệnh công bố tình trạng khẩn cấp gây thiệt hại cho lợi ích của Nhà nước, tập thể, quyền và lợi ích hợp pháp của công dân, thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

**Điều 8. Các hành vi bị nghiêm cấm**

1. Chống đối, cản trở, cố ý trì hoãn hoặc không chấp hành sự chỉ đạo, chỉ huy của cơ quan hoặc người có thẩm quyền trong tình trạng khẩn cấp.

2. Cố ý gây thảm họa làm tổn hại đến tính mạng, sức khỏe con người; gây thiệt hại tài sản của Nhà nước, Nhân dân, cơ quan, tổ chức; ảnh hưởng đến môi trường, trật tự an toàn xã hội, quốc phòng - an ninh; bỏ trốn sau khi gây thảm họa, gây mất trật tự công cộng, tạo chướng ngại vật nguy hiểm, cản trở hoặc chống lại người thi hành nhiệm vụ trong tình trạng khẩn cấp.

3. Lợi dụng tình trạng khẩn cấp để trục lợi, xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân, gây lãng phí, thất thoát tài sản của Nhà nước.

4. Đưa thông tin không chính xác, thông tin sai lệch gây hoang mang dư

luận, xâm hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của Nhà nước, tổ chức và cá nhân, gây khó khăn cho công tác khắc phục hậu quả của cơ quan có thẩm quyền trong tình trạng khẩn cấp.

## Chương II
## BAN BỐ, CÔNG BỐ TÌNH TRẠNG KHẨN CẤP

### Điều 9. Thẩm quyền, trình tự, thủ tục ban bố, công bố tình trạng khẩn cấp

1. Ủy ban Thường vụ Quốc hội quyết định ban bố tình trạng khẩn cấp trong cả nước hoặc ở từng địa phương theo đề nghị của Thủ tướng Chính phủ.

2. Căn cứ vào Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chủ tịch nước công bố tình trạng khẩn cấp trong cả nước hoặc ở từng địa phương.

3. Trong trường hợp Ủy ban Thường vụ Quốc hội không thể họp được, Chủ tịch nước công bố tình trạng khẩn cấp trong cả nước hoặc ở từng địa phương theo đề nghị của Thủ tướng Chính phủ.

4. Nghị quyết ban bố của Ủy ban Thường vụ Quốc hội hoặc Lệnh công bố của Chủ tịch nước về tình trạng khẩn cấp phải được công bố ngay trên các phương tiện thông tin đại chúng và niêm yết công khai để người dân biết, thực hiện.

5. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng đề xuất Thủ tướng Chính phủ đề nghị Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban bố tình trạng khẩn cấp về quốc phòng; trường hợp Ủy ban Thường vụ Quốc hội không thể họp ngay được thì Thủ tướng Chính phủ đề nghị Chủ tịch nước ra Lệnh công bố tình trạng khẩn cấp.

6. Bộ trưởng Bộ Công an đề xuất Thủ tướng Chính phủ đề nghị Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban bố tình trạng khẩn cấp về an ninh, trật tự, an toàn xã hội; trường hợp Ủy ban Thường vụ Quốc hội không thể họp ngay được thì Thủ tướng Chính phủ đề nghị Chủ tịch nước ra Lệnh công bố tình trạng khẩn cấp.

7. Ban Chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia tham mưu cho Thủ tướng Chính phủ đề nghị Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chủ tịch nước ban bố, công bố tình trạng khẩn cấp do thảm họa lớn; trường hợp Ủy ban Thường vụ Quốc hội không họp ngay được thì Thủ tướng Chính phủ đề nghị Chủ tịch nước ra Lệnh công bố tình trạng khẩn cấp.

8. Bộ trưởng Bộ Y tế đề xuất Thủ tướng Chính phủ đề nghị Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban bố tình trạng khẩn cấp khi có dịch bệnh nguy hiểm lây lan trên quy mô rộng; trường hợp Ủy ban Thường vụ Quốc hội không thể họp ngay được thì Thủ tướng Chính phủ đề nghị Chủ tịch nước ra Lệnh công bố tình trạng khẩn cấp.

### Điều 10. Nội dung của Nghị quyết hoặc Lệnh ban bố, công bố tình trạng khẩn cấp

1. Lý do ban bố tình trạng khẩn cấp.

2. Phạm vi địa bàn được đặt trong tình trạng khẩn cấp.

3. Thời điểm áp dụng tình trạng khẩn cấp.

4. Thời hạn áp dụng các biện pháp quy định tại Chương III Luật này.

5. Thẩm quyền tổ chức thi hành Nghị quyết hoặc Lệnh ban bố tình trạng khẩn cấp.

## Chương III
## CÔNG TÁC CHUẨN BỊ ỨNG PHÓ VÀ CÁC BIỆN PHÁP ÁP DỤNG TRONG TÌNH TRẠNG KHẨN CẤP

### Mục 1
### CÔNG TÁC CHUẨN BỊ ỨNG PHÓ TÌNH TRẠNG KHẨN CẤP

**Điều 11. Xây dựng kế hoạch ứng phó tình trạng khẩn cấp**

1. Kế hoạch quốc gia ứng phó với tình huống khẩn cấp khi có dịch bệnh nguy hiểm lây lan trên quy mô rộng.

2. Kế hoạch quốc gia ứng phó với tình huống khẩn cấp về an ninh quốc gia và trật tự, an toàn xã hội.

3. Kế hoạch quốc gia ứng phó với tình trạng khẩn cấp về quốc phòng.

4. Kế hoạch quốc gia ứng phó với tình trạng khẩn cấp do thảm họa lớn gây ra.

5. Các bộ, ngành, địa phương xây dựng kế hoạch ứng phó với tình trạng khẩn cấp theo phạm vi, lĩnh vực, địa bàn quản lý phù hợp với quy định của pháp luật, kế hoạch quốc gia ứng phó với tình trạng khẩn cấp tương ứng và tình hình thực tiễn của bộ, ngành, địa phương.

6. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

**Điều 12. Diễn tập ứng phó trong tình trạng khẩn cấp**

1. Cơ quan quân sự các cấp tham mưu cho Ủy ban nhân dân cùng cấp tổ chức diễn tập khu vực phòng thủ có nội dung ứng phó tình trạng khẩn cấp.

2. Các bộ chỉ đạo cơ quan, đơn vị thuộc quyền phối hợp với địa phương trên địa bàn thực hiện diễn tập ứng phó tình trạng khẩn cấp theo kế hoạch của địa phương.

**Điều 13. Thông tin, giáo dục, truyền thông tình trạng khẩn cấp**

1. Thông tin, giáo dục, truyền thông phải đáp ứng các yêu cầu sau đây:

a) Cung cấp thông tin một cách công khai, khoa học, chính xác, khách quan về tình trạng khẩn cấp;

b) Đa dạng hóa nội dung, hình thức và kênh thông tin phù hợp với đối tượng được thông tin, giáo dục, truyền thông;

c) Nội dung thông tin gồm có: Chính sách, pháp luật về tình trạng khẩn cấp; các biện pháp áp dụng trong tình trạng khẩn cấp; quyền, trách nhiệm, nghĩa vụ của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong tình trạng khẩn cấp.2. Trách nhiệm thông tin, giáo dục, truyền thông

a) Bộ Y tế thông tin, giáo dục, truyền thông về tình trạng khẩn cấp do dịch bệnh nguy hiểm lây lan;

b) Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thông tin, giáo dục, truyền thông về tình trạng khẩn cấp do thiên tai;

c) Bộ Quốc phòng thông tin, giáo dục, truyền thông tình trạng khẩn cấp về quốc phòng;

d) Bộ Công an thông tin, giáo dục, truyền thông tình trạng khẩn cấp về an ninh, trật tự, an toàn xã hội;

c) Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận thông tin, giáo dục, truyền thông cho các thành viên trong tổ chức mình và toàn xã hội về tình trạng khẩn cấp;

h) Cơ quan, tổ chức khác trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm thông tin, giáo dục, truyền thông về tình trạng khẩn cấp theo quy định của Luật này.

i) Ủy ban nhân dân các cấp và các cơ quan liên quan khi phát hiện thông tin giả hoặc không đầy đủ ảnh hưởng, có thể ảnh hưởng đến trật tự xã hội và kinh tế phải kịp thời công bố thông tin chính xác để làm rõ.

k) Các cơ quan phát thanh, truyền hình, báo chí và nhà cung cấp dịch vụ mạng phải thiết lập kênh phát cảnh báo sự cố khẩn cấp nhanh chóng theo quy định của nhà nước, kịp thời, chính xác và miễn phí phát thông tin cảnh báo tình huống khẩn cấp.

## Mục 2
## CÁC BIỆN PHÁP ÁP DỤNG TRONG TÌNH TRẠNG KHẨN CẤP

### Điều 14. Các biện pháp được áp dụng trong tình trạng khẩn cấp khi có thảm họa lớn

Trong địa bàn đã công bố tình trạng khẩn cấp khi có thảm hoạ lớn, các biện pháp được áp dung bao gồm:

1. Các biện pháp quản lý đặc biệt đối với chất cháy, chất nổ, hoá chất độc hại, chất phóng xạ thuộc quyền sử dụng hợp pháp của tổ chức và cá nhân;

2. Buộc những người có thể gây ra thảm họa, sự cố rời khỏi địa bàn có tình trạng khẩn cấp hoặc không được rời khỏi nơi thường trú hoặc một khu vực nhất định khác;

3. Huy động nhân lực, vật tư, phương tiện để phục vụ cho việc thi hành

Nghị quyết hoặc Lệnh ban bố tình trạng khẩn cấp. Trong trường hợp cần thiết thì trưng dụng phương tiện và tài sản của cơ quan, tổ chức, cá nhân;

4. Thực hiện giới nghiêm theo quy định pháp luật;

5. Thực hiện các biện pháp cần thiết để bảo đảm an toàn và hoạt động bình thường của các cơ sở công cộng như giao thông, thông tin liên lạc, cấp nước, thoát nước, cung cấp điện, y tế, phát thanh truyền hình;

6. Kịp thời phát các khuyến nghị và cảnh báo về các biện pháp cụ thể để tránh hoặc giảm thiểu nguy hại cho xã hội;

7. Áp dụng biện pháp quy định tại Điều 25 Luật này.

8. Các biện pháp do Ủy ban Thường vụ quốc hội quy định để áp dụng trong thời gian ban bố tình trạng khẩn cấp khi các biện pháp quy định tại Luật này và các luật khác có liên quan không thể ứng phó hiệu quả với sự cố, thảm họa.

**Điều 15. Các biện pháp được áp dụng trong tình trạng khẩn cấp khi có dịch bệnh nguy hiểm lây lan trên quy mô rộng**

Trong địa bàn có tình trạng khẩn cấp về dịch bệnh nguy hiểm, các biện pháp được áp dụng gồm:

1. Kiểm soát giá bán đối với mặt hàng thiết yếu; tăng cường kiểm tra, xử lý nghiêm các trường hợp buôn lậu, gian lận thương mại, đầu cơ găm hàng, gây khan hiếm giả tạo, sản xuất hàng giả, hàng nhái, nhất là các mặt hàng thiết yếu phục vụ phòng, chống dịch bệnh;

2. Tổ chức các đội công tác chống dịch khẩn cấp thuộc cơ quan y tế, cơ quan kiểm dịch;

3. Xây dựng các bệnh viện dã chiến để ứng phó dịch bệnh;

4. Kịp thời phân bổ vắc xin cho các tỉnh, thành phố, trong đó ưu tiên cấp cho địa phương có nhiều người nhiễm, nhiều ca tử vong, tình hình dịch bệnh phức tạp, lây lan nhanh, các đô thị lớn, khu đông dân cư, tập trung nhiều khu công nghiệp, phù hợp với yêu cầu phòng, chống dịch bệnh đối với từng địa phương và công khai việc phân bổ

5. Huy động lực lượng y tế công lập, tư nhân và các lực lượng hỗ trợ khác triển khai chiến dịch tiêm vắc xin trên toàn quốc, nhất là tại các địa phương có nhiều ca nhiễm; tăng cường tìm kiếm và khuyến khích doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân chủ động tìm kiếm nguồn và mua vắc xin, thuốc điều trị bệnh

6. Trưng mua, trưng dụng tài sản theo quy định pháp luật;

7. Thực hiện giới nghiêm theo quy định pháp luật.

8. Trong trường hợp cần thiết, Thủ tướng Chính phủ có thể áp dụng các

biện pháp thích hợp khác phù hợp với quy định của pháp luật và tình hình thực tế.

**Điều 16. Các biện pháp áp dụng trong tình trạng khẩn cấp về quốc phòng**

Trong địa bàn có tình trạng khẩn cấp về quốc phòng, các biện pháp được áp dung bao gồm:

1. Các biện pháp quy định về Thiết quân luật, giới nghiêm quy định tại Luật Quốc phòng và Điều 14, Điều 26, Điều 27, Điều 28, Điều 29 Luật này.

2. Sử dụng chướng ngại vật, công cụ, phương tiện làm giảm tốc độ hoặc kiểm soát tốc độ phương tiện, buộc người và phương tiện giao thông phải qua trạm canh gác, kiểm soát.

3. Sử dụng vũ lực, vũ khí, công cụ hỗ trợ theo quy định của pháp luật để ngăn chặn bắt giữ người và phương tiện giao thông cố tình vượt trái phép trạm canh gác và kiểm soát hoặc chống lại việc canh gác, kiểm soát.

4. Trưởng ban Chỉ huy tình trạng khẩn cấp về quốc phòng ở Trung ương, Trưởng ban Chỉ huy tình trạng khẩn cấp về quốc phòng cấp tỉnh, cấp huyện áp dụng các biện pháp quy định tại Điều 14 Luật này, Luật Trưng mua, trưng dụng, tài sản, quy định về thiết quân luật tại Điều 21 Luật Quốc phòng, Điều 21 Luật An ninh quốc gia trong phạm vi thẩm quyền, địa bàn quản lý và biện pháp thích hợp khác phù hợp với quy định của pháp luật và tình hình thực tiễn.

**Điều 17. Các biện pháp được áp dụng trong tình trạng khẩn cấp về an ninh quốc gia và trật tự, an toàn xã hội**

Trong địa bàn có tình trạng khẩn cấp về an ninh quốc gia và trật tự, an toàn xã hội, các biện pháp được áp dụng bao gồm

1. Thành lập Đội tuần tra đặc biệt, Đội trưởng đội tuần tra đặc biệt trong khi làm nhiệm vụ có quyền ra lệnh bắt ngay hoặc khám người, khám nơi ở, phương tiện, đồ vật của người có hành vi gây nguy hại cho an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội, người vi phạm các quy định về cấm đi lại và người có hành vi cản trở hoặc chống lại người thi hành nhiệm vụ trong tình trạng khẩn cấp.

2. Các biện pháp quy định  tại Điều 16 Luật này.

**Điều 18. Các biện pháp khắc phục hậu quả do tình trạng khẩn cấp gây ra**

1. Tổ chức lực lượng cứu sập, cứu thương vận chuyển, điều trị người bị thương, nhiễm độc, nhiễm xạ; tiêu tẩy, tiêu độc cho các đối tượng; dự trữ, vô trùng nước; tăng cường các biện pháp hạn chế, cách ly và chống các tác nhân sinh học trong khu vực bị nhiễm.

2. Thực hiện cứu trợ khẩn cấp cho Nhân dân, các tổ chức, doanh nghiệp bị ảnh hưởng bởi tình trạng khẩn cấp theo quy định pháp luật.

3. Khắc phục hậu quả môi trường, nhanh chóng khôi phục sản xuất, thực hiện tốt công tác chính sách, bảo đảm đời sống cho Nhân dân và duy trì mọi

hoạt động của xã hội.

4. Đánh giá, thống kê thiệt hại, nhu cầu hỗ trợ, sửa chữa các công trình bị hư hỏng, bảo vệ quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự - an toàn xã hội, phòng chống dịch bệnh.

5. Khẩn trương xây dựng khu tái định cư tập trung phục vụ việc di dời khẩn cấp các hộ dân đang sinh sống ở khu vực áp dụng tình trạng khẩn cấp, đảm bảo an toàn, ổn định cuộc sống lâu dài cho người dân.

6. Thực hiện cơ chế, chính sách hỗ trợ sản xuất giúp người dân, doanh nghiệp, tổ chức khắc phục thiệt hại trong tình trạng khẩn cấp, phục hồi nền kinh tế.

7. Bảo đảm an toàn và hoạt động bình thường của các cơ sở công cộng như giao thông, thông tin liên lạc, cấp nước, thoát nước, cung cấp điện, y tế, phát thanh truyền hình.

**Điều 19. Hoạt động khắc phục hậu quả do tình trạng khẩn cấp gây ra**

1. Tiếp tục triển khai công tác tìm kiếm cứu nạn, cứu trợ, hỗ trợ lương thực, thực phẩm, thuốc chữa bệnh, nhu yếu phẩm khác và hỗ trợ tâm lý để ổn định đời sống của người dân.

2. Thống kê, đánh giá thiệt hại do tình trạng khẩn cấp gây ra, nhu cầu cứu trợ, hỗ trợ và đề xuất phương án khắc phục hậu quả.

3. Cung ứng, hỗ trợ vật tư, hàng hóa thiết yếu và thực hiện biện pháp quản lý giá, bình ổn giá thị trường.

4. Tiêu độc, tẩy xạ, diệt trùng, khắc phục hậu quả ô nhiễm môi trường, phòng chống dịch bệnh, ổn định đời sống nhân dân, phục hồi và phát triển sản xuất, kinh doanh.

5. Sửa chữa, khôi phục, nâng cấp công trình phòng ngừa thảm họa lớn, dịch bệnh nguy hiểm, giao thông, thông tin, thủy lợi, điện lực, trường học, cơ sở y tế và công trình hạ tầng công cộng.

**Điều 20. Thống kê, đánh giá thiệt hại**

1. Tổ chức, cá nhân có trách nhiệm báo cáo, thông tin chính xác thiệt hại do tình trạng khẩn cấp gây ra trong phạm vi quản lý.

2. Ủy ban nhân dân các cấp có trách nhiệm tổng hợp, thống kê, đánh giá thiệt hại; kiểm tra kết quả đánh giá thiệt hại do tình trạng khẩn cấp gây ra và báo cáo Ủy ban nhân dân cấp trên; Ủy ban nhân dân cấp tỉnh báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

3. Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ có trách nhiệm tổng hợp, thống kê, đánh giá thiệt hại do tình trạng khẩn cấp gây ra trong phạm vi quản lý và báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

**Điều 21. Nguyên tắc thống kê, đánh giá thiệt hại**

1. Việc thống kê, đánh giá thiệt hại thực hiện theo quy định của pháp luật thống kê và pháp luật chuyên ngành.

2. Thống kê, đánh giá thiệt hại phải được thực hiện kịp thời, liên tục, phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành hoạt động ứng phó, khắc phục tình trạng khẩn cấp.

3. Bảo đảm tính khách quan, công khai, minh bạch, phản ánh đúng thực tế về mức độ thiệt hại do thảm họa gây ra.

4. Phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan, đơn vị liên quan đến hoạt động ứng phó, khắc phục thảm họa.

**Điều 22. Nội dung, phương pháp, trình tự thực hiện thống kê, đánh giá thiệt hại**

1. Nội dung thực hiện thống kê, đánh giá thiệt hại

a) Điều tra, thu thập các hồ sơ, tài liệu, số liệu liên quan đến thống kê thiệt hại do thảm họa gây ra;

b) Kiểm tra, tổng hợp số liệu và lập các biểu thống kê thiệt hại ở các cấp theo quy định;

c) Phân tích, đánh giá nguyên nhân, ước tính thiệt hại, đề xuất các giải pháp hỗ trợ, khắc phục hậu quả sự cố, thảm họa;

d) Lập báo cáo thống kê, đánh giá thiệt hại.

2. Phương pháp, trình tự thực hiện thống kê, đánh giá thiệt hại

Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ hướng dẫn phương pháp, trình tự thống kê theo lĩnh vực quản lý.

**Điều 23. Hình thức, đối tượng và nguồn lực cứu trợ, hỗ trợ**

1. Cứu trợ khẩn cấp

a) Cứu trợ khẩn cấp được thực hiện trong và ngay sau khi tình trạng khẩn cấp xảy ra, tập trung vào thực hiện hoạt động hỗ trợ lương thực, thực phẩm, thuốc chữa bệnh và nhu yếu phẩm khác để ổn định đời sống của Nhân dân, vệ sinh môi trường, phòng chống dịch bệnh ở khu vực bị tác động của tình trạng khẩn cấp;

b) Đối tượng được cứu trợ bao gồm cá nhân bị thương, hộ gia đình có người bị chết; hộ gia đình, cá nhân bị mất nhà ở, không có lương thực, nước uống và nhu yếu phẩm khác có nguy cơ ảnh hưởng tới tính mạng, sức khỏe, ưu tiên quan tâm tới đối tượng dễ bị tổn thương;

c) Nguồn lực cho cứu trợ khẩn cấp từ hàng dự trữ quốc gia; kinh phí dự phòng hàng năm của ngân sách nhà nước và đóng góp tự nguyện của tổ chức, cá nhân, hỗ trợ từ quốc tế.

2. Hỗ trợ trung hạn

a) Hỗ trợ trung hạn được thực hiện tiếp theo cứu trợ khẩn cấp, tập trung vào hỗ trợ giống cây trồng, vật nuôi, vật tư, trang thiết bị, nhiên liệu thiết yếu khác để phục hồi sản xuất; cung ứng vật tư, hàng hóa thiết yếu và thực hiện các biện pháp quản lý giá, bình ổn thị trường; sửa chữa, khôi phục trụ sở, công trình phòng, chống thảm họa, sự cố; giao thông, thông tin, thủy lợi; cấp nước sinh hoạt, điện lực, trường học, cơ sở y tế và công trình hạ tầng thiết yếu khác bị thiệt hại;

b) Đối tượng được hỗ trợ trung hạn bao gồm tổ chức, cá nhân sản xuất nông nghiệp bị thiệt hại; cơ quan nhà nước, đơn vị lực lượng vũ trang; đơn vị sự nghiệp và doanh nghiệp có công trình quy định tại điểm a khoản này;

c) Nguồn lực cho cứu trợ từ hàng dự trữ quốc gia, ngân sách nhà nước và đóng góp tự nguyện của tổ chức, cá nhân, hỗ trợ từ quốc tế.

3. Hỗ trợ dài hạn

a) Hỗ trợ dài hạn được thực hiện tiếp theo hỗ trợ trung hạn, tập trung vào việc sửa chữa, khôi phục, nâng cấp công trình phòng, ngừa, ứng phó thảm họa; tuyên truyền nâng cao nhận thức và năng lực của cộng đồng về phòng, ngừa thảm họa;

b) Đối tượng được hỗ trợ dài hạn bao gồm tổ chức, cá nhân, cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp và doanh nghiệp hoạt động công ích bị thiệt hại do tình trạng khẩn cấp gây ra;

c) Nguồn lực cho hỗ trợ dài hạn bao gồm ngân sách nhà nước và đóng góp tự nguyện của tổ chức, cá nhân, hỗ trợ từ quốc tế;

d) Ủy ban nhân dân các cấp căn cứ tình hình thiệt hại và mức độ áp dụng tình trạng khẩn cấp ở địa phương, xây dựng kế hoạch, bố trí nguồn lực thực hiện.

**Điều 24. Huy động, quyên góp và phân bổ nguồn lực cứu trợ, hỗ trợ**

1. Nguyên tắc huy động, quyên góp và phân bổ nguồn lực cứu trợ, hỗ trợ

a) Việc huy động, quyên góp và phân bổ nguồn lực cứu trợ, hỗ trợ phải tuân theo quy định của pháp luật, căn cứ vào mức độ thiệt hại, chia sẻ thông tin và phối hợp với chính quyền địa phương nơi có đối tượng được hỗ trợ để bảo đảm công bằng, công khai, tránh trùng lặp;

b) Việc cứu trợ cần tập trung đáp ứng nhu cầu thiết yếu của người dân bị ảnh hưởng bởi tình trạng khẩn cấp, đặc biệt là đối tượng dễ bị tổn thương.

2. Thẩm quyền huy động, quyên góp và phân bổ nguồn lực cứu trợ, hỗ trợ

a) Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp huy động nguồn lực theo thẩm quyền để phục vụ công tác cứu trợ khẩn cấp và hỗ trợ trung hạn theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, pháp luật về dự trữ quốc gia; việc hỗ trợ dài hạn thực hiện

theo kế hoạch hằng năm;

b) Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Hội Chữ thập đỏ Việt Nam vận động quyên góp và phân bổ nguồn lực để cứu trợ khẩn cấp và hỗ trợ trung hạn; Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và Hội chữ thập đỏ các cấp phối hợp với Ủy ban nhân dân cùng cấp tiếp nhận và phân bổ nguồn lực để cứu trợ khẩn cấp và hỗ trợ trung hạn;

c) Tổ chức, cá nhân được phép quyên góp từ cộng đồng theo quy định của pháp luật có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương nơi được hỗ trợ để thực hiện cứu trợ khẩn cấp và hỗ trợ trung hạn.

3. Chính phủ quy định chi tiết việc huy động, quyên góp và phân bổ nguồn lực cứu trợ, hỗ trợ khắc phục hậu quả trong tình trạng khẩn cấp.

**Điều 25. Các biện pháp hỗ trợ**

Trường hợp quy định tại Điều 14, Điều 15, Điều 16, Điều 17, Điều 18 Luật này, có thể áp dụng một hoặc nhiều biện pháp, chính sách sau đây:

1. Chính sách tài chính

a) Chính sách về thuế: Giảm trừ, gia hạn thời hạn nộp thuế thu nhập doanh nghiệp; nâng mức giảm trừ gia cảnh của thuế thu nhập cá nhân; giãn thuế, giảm thuế giá trị gia tăng cho doanh nghiệp; miễn thuế nhập khẩu đối với hàng hóa, nguyên liệu nhập khẩu vì mục đích phục vụ phòng, chống sự cố, thảm họa;

b) Chính sách về phí, lệ phí: Giảm phí, lệ phí đối với các đối tượng chịu ảnh hưởng trực tiếp bởi áp dụng tình trạng khẩn cấp;

c) Chính sách tài chính: Ưu đãi, giảm lãi suất tín dụng đầu tư của Nhà nước, tín dụng chính sách của Nhà nước; tạm dừng đóng bảo hiểm xã hội; miễn, giảm tiền thuê đất, tiền sử dụng đất, thuế sử dụng đất phi nông nghiệp; giảm giá bán điện, giảm tiền điện cho các đối tượng bị ảnh hưởng trực tiếp bởi tình trạng khẩn cấp.

2. Chính sách, biện pháp đầu tư, kinh doanh

a) Cắt giảm thủ tục hành chính trong xuất nhập khẩu, bảo đảm thông quan kịp thời; rút ngắn thời gian xét hoàn thuế, xét duyệt hồ sơ vay vốn; cắt giảm các quy định, điều kiện, thủ tục gây khó khăn, cản trở hoạt động sản xuất kinh doanh; đơn giản hoá, cắt giảm thủ tục hành chính đối với việc cấp giấy phép hoạt động, giấy phép đầu tư, thủ tục thành lập, sáp nhập, tổ chức lại, thủ tục mở rộng hoạt động sản xuất, kinh doanh; hỗ trợ, cho phép hoãn, gia hạn thời gian thực hiện thủ tục phá sản;

b) Đẩy nhanh tiến độ thực hiện, giải ngân vốn đầu tư và cải thiện môi trường kinh doanh; đẩy mạnh và đa dạng hóa thị trường xuất khẩu; đẩy mạnh xúc tiến thương mại, tìm kiếm thị trường mới trong nước; có cơ chế khuyến

khích sản xuất linh kiện, sản phẩm trung gian trong nước thay thế nhập khẩu; chấn chỉnh, xử lý nghiêm các hành vi lợi dụng chính sách ứng phó sự cố, thảm họa để gây khó khăn cho doanh nghiệp.

3. Chính sách về nhân lực, lao động: Hỗ trợ đào tạo lao động; hỗ trợ doanh nghiệp tìm nguồn lao động, chuyên gia nước ngoài thay thế trong trường hợp thiếu hụt lao động; hỗ trợ người lao động bị thất nghiệp, mất việc làm do áp dụng tình trạng khẩn cấp.

4. Chính sách về xuất cảnh, nhập cảnh: Gia hạn tạm trú cho người nước ngoài, tạo điều kiện tiếp tục công việc khi họ chưa thể trở về nước do tình trạng khẩn cấp.

5. Chính sách an sinh xã hội: Chăm lo đời sống Nhân dân, đặc biệt là người có công, gia đình chính sách, hộ nghèo, phụ nữ, trẻ em, người cao tuổi, người khuyết tật, người yếu thế, người có hoàn cảnh khó khăn, người mất việc làm trong tình trạng khẩn cấp.

**Điều 26. Ban hành văn bản quy phạm pháp luật trong tình trạng khẩn cấp**

1. Trường hợp áp dụng các biện pháp quy định tại Điều 14 Luật này và trong tình trạng khẩn cấp thì cơ quan có thẩm quyền ban hành được áp dụng trình tự, thủ tục rút gọn trong xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

2. Hồ sơ, trình tự, thủ tục xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo trình tự, thủ tục rút gọn thực hiện theo quy định của pháp luật về ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

**Điều 27. Ban hành văn bản hành chính trong tình trạng khẩn cấp**

Trường hợp áp dụng các biện pháp quy định tại Điều 14 Luật này và trong tình trạng khẩn cấp, căn cứ vào tính chất, nội dung của văn bản hành chính và yêu cầu cần rút gọn hồ sơ, thủ tục ban hành văn bản hành chính, cơ quan ban hành văn bản quyết định rút gọn quy trình, hồ sơ, thời gian ban hành văn bản hành chính trong phạm vi, thẩm quyền ban hành văn bản của mình, bảo đảm kịp thời ứng phó với tình trạng khẩn cấp.

**Điều 28. Các biện pháp được áp dụng để duy trì hoạt động tố tụng trong tình trạng khẩn cấp**

1. Trường hợp áp dụng các biện pháp quy định tại Điều 14 Luật này và trong tình trạng khẩn cấp, căn cứ tình hình cụ thể, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao thống nhất với Ủy ban Thường vụ Quốc hội để áp dụng một hoặc nhiều biện pháp sau đây:

a) Tạm hoãn hoạt động xét xử trong thời hạn công bố tình trạng khẩn cấp.

b) Di chuyển tạm thời địa điểm xét xử đến nơi có đủ điều kiện xét xử.

c) Thực hiện hoạt động xét xử theo hình thức trực tuyến.

2. Chánh án Tòa án nhân dân tối cao có trách nhiệm báo cáo Quốc hội tại kỳ họp gần nhất về tình hình thực hiện các biện pháp quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều này.

**Điều 29. Thời hạn, thời hiệu xử lý vi phạm hành chính và thi hành án dân sự trong tình trạng khẩn cấp**

1. Khoảng thời gian áp dụng các biện pháp quy định tại Điều 14 Luật này và trong tình trạng khẩn cấp không tính vào thời hiệu khởi kiện vụ án dân sự, giải quyết việc dân sự, thời hiệu yêu cầu thi hành án dân sự, thời hiệu khiếu nại và giải quyết khiếu nại, tố cáo về thi hành án dân sự.

2. Thời hiệu quy định tại khoản 1 Điều này tiếp tục sau khi kết thúc thời hạn áp dụng các biện pháp nêu trên.

## Chương IV
## QUYỀN, NGHĨA VỤ CỦA CÁ NHÂN, CƠ QUAN, TỔ CHỨC TRONG TÌNH TRẠNG KHẨN CẤP

**Điều 30. Quyền và nghĩa vụ của cá nhân**

1. Cá nhân có các quyền sau đây:

a) Tiếp cận thông tin về tình trạng khẩn cấp theo quy định của pháp luật;

b) Được cứu trợ, hỗ trợ khi bị thiệt hại trong tình trạng khẩn cấp theo quy định của pháp luật;

c) Được hưởng tiền công lao động khi tham gia ứng phó trong tình trạng khẩn cấp theo quyết định huy động của người có thẩm quyền;

d) Được hoàn trả trang thiết bị, tài sản đã huy động ngay sau khi kết thúc việc ứng phó với tình trạng khẩn cấp; trường hợp trang thiết bị, tài sản đã huy động bị thiệt hại hoặc tiêu hao thì được bồi thường, thanh toán theo quy định của pháp luật;

đ) Khi tham gia hoạt động ứng phó với tình trạng khẩn cấp nếu bị tổn hại về danh dự, nhân phẩm thì được khôi phục; nếu bị thương tích, tổn hại sức khỏe, tính mạng thì được hưởng chế độ, chính sách theo quy định pháp luật.

2. Cá nhân có các nghĩa vụ sau đây:

a) Thực hiện các biện pháp ứng phó với tình trạng khẩn cấp theo kế hoạch ứng phó tình trạng khẩn cấp của địa phương;

b) Tham gia hoạt động đào tạo, bồi dưỡng, huấn luyện, diễn tập ứng phó với tình trạng khẩn cấp khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền; tham gia hoạt động ứng phó khi được huy động;

c) Chuẩn bị sẵn sàng vật tư, phương tiện theo khả năng để đảm bảo an toàn trước tình trạng khẩn cấp;

d) Chủ động ứng phó, khắc phục hậu quả tình trạng khẩn cấp nhằm bảo đảm an toàn cho bản thân và gia đình khi tình trạng khẩn cấp xảy ra; tham gia hỗ trợ cộng đồng; giúp đỡ người bị thiệt hại do tình trạng khẩn cấp tại địa phương; thực hiện vệ sinh môi trường, phòng, chống dịch bệnh trong khu vực sinh sống và làm việc;

đ) Chấp hành hướng dẫn, yêu cầu của cơ quan, người có thẩm quyền về sơ tán người, phương tiện ra, vào khu vực nguy hiểm; chấp hành quyết định huy động nhân lực, trang thiết bị, tài sản để phục vụ hoạt động ứng phó tình trạng khẩn cấp của người có thẩm quyền;

e) Thông báo, cung cấp thông tin kịp thời cho cơ quan có thẩm quyền về diễn biến, thiệt hại do tình trạng khẩn cấp gây ra khi có điều kiện thực hiện.

**Điều 31. Quyền và nghĩa vụ của cơ quan, tổ chức**

1. Cơ quan, tổ chức có các quyền sau đây:

a) Tiếp cận thông tin về tình trạng khẩn cấp theo quy định của pháp luật;

b) Tham gia hoạt động ứng phó, khắc phục tình trạng khẩn cấp tại địa phương;

c) Được cứu trợ, hỗ trợ khi bị thiệt hại do tình trạng khẩn cấp theo quy định của pháp luật;

d) Được hoàn trả trang thiết bị, tài sản đã huy động ngay sau khi kết thúc việc ứng phó với tình trạng khẩn cấp; trường hợp trang thiết bị, tài sản đã huy động ứng phó, khắc phục trong tình trạng khẩn cấp bị thiệt hại hoặc tiêu hao thì được bồi thường, thanh toán theo quy định của pháp luật;

đ) Tham gia, phối hợp thông tin, truyền thông, giáo dục về tình trạng khẩn cấp.

2. Cơ quan, tổ chức có các nghĩa vụ sau đây:

a) Tuyên truyền, vận động người lao động, thành viên trong cơ quan, tổ chức mình, người dân chấp hành quy định của pháp luật về tình trạng khẩn cấp;

b) Chủ động xây dựng, bảo vệ công trình, cơ sở vật chất thuộc phạm vi quản lý để đảm bảo an toàn trước tình trạng khẩn cấp;

c) Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch, phương án phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả tình trạng khẩn cấp; đối với tổ chức, đơn vị kinh doanh hoặc quản lý phương tiện giao thông công cộng, địa điểm công cộng và các nơi tập trung đông người phải xây dựng kế hoạch ứng phó khẩn cấp cụ thể, trang bị các

thiết bị báo động và thiết bị cứu hộ khẩn cấp cần thiết cho phương tiện giao thông và các địa điểm liên quan, ghi rõ cách sử dụng và đánh dấu rõ ràng lối thoát an toàn, đảm bảo thông thoáng lối thoát ra an toàn.

d) Chấp hành quyết định huy động nhân lực, trang thiết bị, nhu yếu phẩm của người có thẩm quyền để phục vụ hoạt động tình trạng khẩn cấp;

đ) Chủ động thực hiện vệ sinh môi trường, phòng, chống dịch bệnh trong phạm vi quản lý;

e) Chủ động khắc phục hậu quả, bồi thường thiệt hại khi để xảy ra sự cố, thảm họa trong quá trình sản xuất, kinh doanh.

**Điều 32. Áp dụng pháp luật về sự kiện bất khả kháng**

1. Việc áp dụng các biện pháp quy định tại Điều 14, Điều 15, Điều 16, Điều 17, Điều 18 Luật này dẫn đến việc cơ quan, tổ chức, cá nhân không thể thực hiện được các nghĩa vụ theo hợp đồng được xem xét, đánh giá để áp dụng quy định pháp luật về sự kiện bất khả kháng.

2. Việc áp dụng quy định tại khoản 1 Điều này được xem xét, đánh giá tùy từng trường hợp cụ thể bởi cơ quan có thẩm quyền trên cơ sở nghĩa vụ không thể thực hiện được là hệ quả trực tiếp của việc tuân thủ các biện pháp được áp dụng tại các Điều 14, Điều 15, Điều 16, Điều 17, Điều 18 Luật này.

## Chương V
## TỔ CHỨC THI HÀNH NGHỊ QUYẾT, LỆNH CÔNG BỐ TÌNH TRẠNG KHẨN CẤP

**Điều 33. Thẩm quyền tổ chức thi hành Nghị quyết hoặc Lệnh công bố tình trạng khẩn cấp**

1. Chính phủ tổ chức và chỉ đạo việc thi hành Nghị quyết hoặc Lệnh ban bố tình trạng khẩn cấp, quyết định việc áp dụng các biện pháp theo Điều 25 Luật này và quyết định các cơ quan, tổ chức hoặc người có trách nhiệm thi hành các biện pháp đó.

2. Ban Chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia, Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự bộ, ngành trung ương và Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự các cấp địa phương chỉ đạo, chỉ huy ứng phó, khắc phục hậu quả do tình trạng khẩn cấp, trừ lĩnh vực quốc phòng.

3. Ban Chỉ huy tình trạng khẩn cấp về quốc phòng tổ chức, chỉ huy, điều hành tập trung, thống nhất ứng phó, khắc phục tình trạng khẩn cấp về quốc phòng.

4. Ban Chỉ huy bảo vệ an ninh quốc gia tổ chức, chỉ huy, điều hành tập trung, thống nhất ứng phó, khắc phục tình trạng khẩn cấp về an ninh quốc gia và trật tự, an toàn xã hội.

**Điều 34. Trách nhiệm thi hành các biện pháp tình trạng khẩn cấp**

1. Cơ quan, tổ chức, người thi hành các biện pháp trong tình trạng khẩn cấp phải chấp hành nghiêm các quy định của Luật này, Nghị quyết hoặc Lệnh ban bố tình trạng khẩn cấp và tuyệt đối phục tùng chỉ thị, mệnh lệnh của cấp trên.

2. Cơ quan, tổ chức, đơn vị vũ trang nhân dân và các cá nhân có trách nhiệm chấp hành nghiêm các quy định về tình trạng khẩn cấp, tuân thủ tuyệt đối Nghị quyết hoặc Lệnh công bố tình trạng khẩn cấp và các mệnh lệnh, quyết định của các cơ quan tổ chức, người thi hành các biện pháp trong tình trạng khẩn cấp để nhanh chóng ổn định tình hình, khôi phục trật tự an toàn xã hội, bảo vệ tính mạng, sức khỏe của Nhân dân, bảo vệ tài sản của Nhà nước, tổ chức, cá nhân.

3. Người thi hành các biện pháp trong tình trạng khẩn cấp phải đeo phù hiệu thống nhất để dễ nhận biết. Mẫu phù hiệu do Thủ tướng Chính phủ quy định.

**Điều 35. Điều động lực lượng vũ trang đến địa bàn áp dụng tình trạng khẩn cấp**

Trong trường hợp cần thiết, Thủ tướng Chính phủ đề nghị Chủ tịch nước điều động lực lượng vũ trang đến địa bàn có tình trạng khẩn cấp để hỗ trợ các lực lượng tại chỗ khắc phục hậu quả của thảm họa, dịch bệnh, ổn định, duy trì an ninh và trật tự, an toàn xã hội.

**Điều 36. Trang bị và sử dụng vũ khí, công cụ hỗ trợ trong tình trạng khẩn cấp**

1. Lực lượng công an, quân đội, dân quân tự vệ và những người thuộc các Đội tuần tra đặc biệt liên ngành được trang bị vũ khí, công cụ hỗ trợ.

2. Người được trang bị vũ khí, công cụ hỗ trợ được sử dụng công cụ hỗ trợ trong các trường hợp sau:

a) Ngăn chặn, bắt giữ người có hành vi đe doạ tính mạng, sức khỏe của người thi hành nhiệm vụ trong tình trạng khẩn cấp hoặc người khác; người có hành vi xâm phạm tài sản của Nhà nước, tổ chức hoặc của cá nhân; ngăn chặn, bắt giữ người phạm tội;

b) Ngăn chặn, bắt giữ người đang gây rối trật tự công cộng hoặc vi phạm quy định về tình trạng khẩn cấp;

c) Giải tán các vụ tụ tập, biểu tình;

d) Ngăn chặn, bắt giữ người có hành vi gây bạo loạn, phá hoại, phá trại giam, đánh tháo phạm nhân, cướp vũ khí, tấn công mục tiêu hoặc đối tượng

được bảo vệ;

đ) Ngăn chặn, bắt giữ người dùng vũ lực, cản trở người thi hành nhiệm vụ trong tình trạng khẩn cấp;

e) Những trường hợp khác mà pháp luật quy định được phép sử dụng vũ khí.

**Điều 37. Biện pháp xử lý người bị bắt, tạm giữ trong tình trạng khẩn cấp**

1. Đối với người bị bắt hoặc bị tạm giữ trong tình trạng khẩn cấp thì việc xử lý được thực hiện theo thủ tục tố tụng hình sự hoặc xử lý vi phạm hành chính.

2. Đối với người bị bắt theo lệnh của Đội trưởng Đội tuần tra đặc biệt thì việc xử lý được thực hiện như sau: Đội trưởng Đội tuần tra đặc biệt hoặc người có thẩm quyền phải kịp thời lập biên bản, lấy lời khai của người bị bắt; chậm nhất là bốn mươi tám giờ kể từ khi bắt, Đội trưởng Đội tuần tra đặc biệt phải chuyển giao người bị bắt cùng toàn bộ hồ sơ, tang vật, phương tiện vi phạm cho cơ quan có thẩm quyền xử lý hình sự để xử lý theo thủ tục tố tụng hình sự nếu xét thấy có dấu hiệu của tội phạm; trường hợp hành vi vi phạm của người bị bắt chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự thì Đội trưởng Đội tuần tra đặc biệt chuyển giao người đó cùng toàn bộ hồ sơ, tang vật, phương tiện vi phạm cho cơ quan có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính để xem xét xử phạt vi phạm hành chính; trường hợp Đội trưởng Đội tuần tra đặc biệt là người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính thì quyết định xử phạt theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

3. Người bị bắt và bị xử phạt vi phạm hành chính nếu có giấy tờ tùy thân hợp lệ thì được trả tự do ngay sau khi hết thời hạn tạm giữ người theo thủ tục hành chính; trường hợp người bị bắt không có giấy tờ tuỳ thân thì bị tạm giữ cho đến khi xác minh được nhân thân của người đó, nhưng không quá bảy mươi hai giờ.

Trong thời gian chưa được chuyển giao cho cơ quan có thẩm quyền để xử lý hoặc được trả tự do theo quy định tại Điều này, người bị bắt được tạm giữ tại trụ sở Đội tuần tra đặc biệt.

## Chương VI
## BÃI BỎ TÌNH TRẠNG KHẨN CẤP

**Điều 38. Thẩm quyền bãi bỏ tình trạng khẩn cấp**

1. Theo đề nghị của Thủ tướng Chính phủ, Ủy ban Thường vụ Quốc hội ra Nghị quyết hoặc Chủ tịch nước ra Lệnh bãi bỏ tình trạng khẩn cấp khi: Thảm hoạ đã được ngăn ngừa, hạn chế hoặc khắc phục; dịch bệnh đã bị chặn hoặc dập tắt; tình hình an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội đã ổn định.

2. Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội hoặc Lệnh của Chủ tịch nước bãi bỏ tình trạng khẩn cấp phải được công bố ngay trên các phương tiện thông tin đại chúng và niêm yết công khai.

3. Trường hợp có bằng chứng chứng minh tình trạng khẩn cấp không thể xảy ra hoặc nguy hiểm đã được loại bỏ, Cơ quan chủ trì tham mưu ban bố tình trạng khẩn cấp phải kịp thời tham mưu bãi bỏ tình trạng khẩn cấp và hủy bỏ các biện pháp đã thực hiện.

**Điều 39. Chấm dứt hiệu lực của các văn bản pháp luật về tổ chức thi hành Nghị quyết, Lệnh công bố tình trạng khẩn cấp**

1. Các văn bản pháp luật về tổ chức thi hành Nghị quyết hoặc Lệnh công bố tình trạng khẩn cấp sẽ hết hiệu lực thi hành kể từ thời điểm Nghị quyết hoặc Lệnh bãi bỏ tình trạng khẩn cấp có hiệu lực, trừ trường hợp Nghị quyết hoặc Lệnh bãi bỏ tình trạng khẩn cấp có quy định khác.

2. Ủy ban nhân dân các cấp tại địa bàn có tình trạng khẩn cấp có trách nhiệm áp dụng các biện pháp giúp Nhân dân nhanh chóng ổn định đời sống, khôi phục sản xuất.

3. Người bị bắt trước khi tình trạng khẩn cấp được bãi bỏ nhưng chưa chuyển giao cho cơ quan điều tra hoặc cơ quan có thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính, tổ chức đang tạm giữ người bị bắt phải làm thủ tục chuyển giao ngay theo quy định của pháp luật. Người bị bắt được trả tự do ngay nếu hết thời hạn tạm giữ theo quy định và được xác định không vi phạm pháp luật.

4. Người bị bắt, giam, giữ trái pháp luật hoặc bị thiệt hại do hành vi trái pháp luật của người có thẩm quyền gây ra được khôi phục danh dự, quyền lợi, được bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật.

5. Cơ quan trưng dụng phương tiện, tài sản của cơ quan, tổ chức, cá nhân phải trả ngay phương tiện, tài sản đã trưng dụng cho chủ sở hữu hoặc người quản lý sử dụng hợp pháp và có trách nhiệm bồi thường theo quy định của pháp luật đối với phương tiện, tài sản bị mất hoặc bị hư hại.

## Chương VII
## CHỈ ĐẠO, CHỈ HUY LỰC LƯỢNG TRONG TÌNH TRẠNG KHẨN CẤP

**Điều 40. Chỉ đạo trong tình trạng khẩn cấp**

Khi xảy ra sự cố, thảm họa, dịch bệnh hoặc xảy ra tình trạng khủng hoảng về an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội đe dọa hoặc gây ra hậu quả đặc biệt nghiêm trọng xâm phạm đến tính mạng, sức khỏe của Nhân dân, tài sản của Nhà nước, tổ chức, cá nhân, Chủ tịch nước đã công bố tình trạng khẩn cấp trong cả nước hoặc ở từng địa phương, các hoạt động chỉ đạo, điều hành gồm:

1. Triển khai kế hoạch ứng phó khẩn cấp.

2. Theo dõi, giám sát diễn biến của nguyên nhân gây ra tình trạng khẩn cấp; thông báo cho các lực lượng, người dân tin tức có liên quan.

3. Tổ chức các cơ quan, tổ chức liên quan, các chuyên gia kỹ thuật và học giả phân tích, đánh giá thông tin, dự báo khả năng, diễn biến, phạm vi ảnh hưởng, cường độ của sự cố khẩn cấp có thể xảy ra.

4. Phát thông tin dự báo và kết quả phân tích đánh giá liên quan đến sự cố khẩn cấp cho xã hội, đồng thời quản lý công tác đưa tin về các thông tin liên quan; tuyên truyền kiến thức tránh hoặc giảm thiểu nguy hại; công bố số điện thoại tư vấn hoặc cầu cứu và các kênh liên lạc khác.

5. Áp dụng biện pháp quy định tại các Điều 14, Điều 15, Điều 16, Điều 17, Điều 18 Luật này.

6. Chuẩn bị phương án ứng phó; tổ chức kiểm tra địa bàn có nguy cơ cần ban bố tình trạng khẩn cấp.

7. Chuẩn bị lực lượng, vật tư, phương tiện sẵn sàng triển khai Sở chỉ huy tại chỗ, chỉ đạo trực tiếp khu vực trọng yếu, địa bàn trọng điểm.

8. Kiểm tra địa điểm sơ tán, tập kết, các cơ sở y tế cấp cứu để sẵn sàng sử dụng trong trường hợp cần thiết.

**Điều 41. Thẩm quyền chỉ đạo trong tình trạng khẩn cấp**

1. Chính phủ chỉ đạo ứng phó tình trạng khẩn cấp trên phạm vi cả nước.

2. Bộ Quốc phòng chủ trì giúp Chính phủ chỉ đạo trong tình trạng khẩn cấp về quốc phòng.

3. Bộ Công an chủ trì giúp Chính phủ chỉ đạo trong tình trạng khẩn cấp về an ninh, trật tự, an toàn xã hội.

4. Bộ Y tế chủ trì giúp Chính phủ chỉ đạo trong tình trạng khẩn cấp khi khi có dịch bệnh nguy hiểm lây lan trên quy mô rộng.

5. Các bộ, ngành trung ương, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ chủ trì tham mưu giúp Chính phủ chỉ đạo trong tình trạng khẩn cấp do thảm họa lớn gây ra theo lĩnh vực quản lý nhà nước được giao quản lý.

6. Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp chỉ đạo và tổ chức triển khai thực hiện các biện pháp tại địa phương theo quy định tại Mục 2 Chương III Luật này.

**Điều 42. Chỉ huy lực lượng trong tình trạng khẩn cấp**

1. Việc chỉ huy các lực lượng ứng phó tình trạng khẩn cấp của bộ, cơ quan ngang bộ, địa phương do Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp quyết định.

2. Người đứng đầu các cơ quan chuyên môn ở địa phương theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện chỉ huy lực lượng thuộc quyền thực hiện hoạt động trong lĩnh vực quản lý theo quy định của pháp luật.

3. Người chỉ huy đơn vị quân đội, công an điều động và chỉ huy lực lượng thuộc quyền tham gia, phối hợp thực hiện hoạt động trong TTKC theo quy định của pháp luật.

**Điều 43. Cơ quan chỉ đạo, cơ quan chỉ huy trong tình trạng khẩn cấp**

1. Ban Chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia tham mưu cho Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ trong tổ chức, chỉ đạo, điều hành ứng phó, khắc phục tình trạng khẩn cấp do thảm họa lớn và dịch bệnh nguy hiểm lây lan trên quy mô rộng gây ra.

2. Ban Chỉ huy bảo vệ an ninh quốc gia tham mưu cho Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ tổ chức, chỉ đạo, điều hành ứng phó, khắc phục tình trạng khẩn cấp về an ninh quốc gia và trật tự, an toàn xã hội theo quy định pháp luật.

3. Ban chỉ huy tình trạng khẩn cấp về quốc phòng ở Trung ương và cấp quân khu, cấp tỉnh, cấp huyện tổ chức, chỉ huy, điều hành tập trung, thống nhất các lực lượng ứng phó trong tình trạng khẩn cấp về quốc phòng theo quy định pháp luật.

4. Chính phủ quy định việc thành lập Ban chỉ huy tình trạng khẩn cấp về quốc phòng ở Trung ương, quân khu và cấp tỉnh, cấp huyện.

**Điều 44. Lực lượng ứng phó trong tình trạng khẩn cấp**

1. Lực lượng ứng phó trong tình trạng khẩn cấp về quốc phòng.

2. Lực lượng ứng phó trong tình trạng khẩn cấp về an ninh, trật tự, an toàn xã hội.

3. Lực lượng ứng phó trong tình trạng khẩn cấp do thảm họa lớn và dịch bệnh nguy hiểm lây lan trên quy mô rộng gây ra.

4. Lực lượng ứng phó trong tình trạng khẩn cấp trên không gian mạng.

5. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

## Chương VIII
## TRÁCH NHIỆM CỦA CƠ QUAN, TỔ CHỨC TRONG TÌNH TRẠNG KHẨN CẤP

**Điều 45. Trách nhiệm của Ủy ban Thường vụ Quốc hội**

1. Quyết định ban hành các chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất, kinh doanh thuộc thẩm quyền của Quốc hội bảo đảm hoạt động bình thường của cơ quan, tổ chức, công dân.

2. Quy định về việc ban hành các biện pháp để áp dụng trong thời gian ban bố tình trạng khẩn cấp khi các biện pháp quy định tại Luật này và các luật khác có liên quan không thể ứng phó hiệu quả với sự cố, thảm họa, giảm thiểu nguy hại nghiêm trọng xã hội.

3. Giám sát việc tuân thủ pháp luật trong việc thi hành nghị quyết hoặc lệnh ban bố tình trạng khẩn cấp.

**Điều 46. Trách nhiệm của Chính phủ**

Khi xảy ra sự cố, thảm họa, dịch bệnh hoặc xảy ra tình huống khủng hoảng về an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội đe dọa gây ra hoặc gây ra hậu quả đặc biệt nghiêm trọng xâm phạm đến tính mạng, sức khỏe của Nhân dân, thiệt hại tài sản của Nhà nước, tổ chức, cá nhân và Chủ tịch nước đã công bố tình trạng khẩn cấp trong cả nước hoặc ở từng địa phương thì Chính phủ có trách nhiệm:

1. Tổ chức và chỉ đạo việc thi hành Nghị quyết hoặc Lệnh ban bố tình trạng khẩn cấp, quyết định việc áp dụng các biện pháp theo Điều 25 Luật này và quyết định các cơ quan, tổ chức hoặc người có trách nhiệm thi hành các biện pháp đó.

2. Quyết định và tổ chức thực hiện các biện pháp bổ sung được Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành để đáp ứng yêu cầu cấp bách của công tác ứng phó với tình trạng khẩn cấp.

3. Ban hành các chính sách, biện pháp hỗ trợ cơ quan, tổ chức, cá nhân bị ảnh hưởng bởi tình trạng khẩn cấp.

**Điều 47. Trách nhiệm của Thủ tướng Chính phủ**

1. Đề nghị Ủy ban Thường vụ Quốc hội quyết định ban bố tình trạng khẩn cấp trong cả nước hoặc ở từng địa phương. Trong trường hợp Ủy ban Thường vụ Quốc hội không thể họp được, Chủ tịch nước công bố tình trạng khẩn cấp trong cả nước hoặc ở từng địa phương theo đề nghị của Thủ tướng Chính phủ.

2. Quyết định áp dụng biện pháp ứng phó với tình trạng khẩn cấp, bảo đảm thích ứng an toàn, linh hoạt và hoạt động bình thường của các cơ quan nhà nước; tổ chức các lực lượng để bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn xã hội trong khu vực xảy ra tình trạng khẩn cấp; áp dụng biện pháp đặc biệt về thông tin liên lạc, sử dụng các phương tiện thông tin liên lạc và các biện pháp khác có thể áp dụng trong tình trạng khẩn cấp.

**Điều 48. Trách nhiệm của Bộ Quốc phòng**

1. Bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, an ninh quốc gia; bảo vệ Nhân dân, bảo vệ Đảng, bảo vệ Nhà nước, chế độ xã hội chủ nghĩa, thành quả cách mạng và lợi ích quốc gia, dân tộc; phối hợp bảo đảm trật tự, an toàn xã hội.

2. Chỉ đạo, chỉ huy lực lượng vũ trang thuộc quyền thực hiện các biện pháp phòng chống địch tác chiến điện tử, tác chiến không gian mạng, bao vây phong tỏa đường không, đường biển, tập kích hỏa lực, xâm lấn biên giới, biển đảo, các hoạt động chống phá trong nội địa, sẵn sàng đối phó với chiến tranh có thể xảy ra.

3. Xây dựng kế hoạch, phương án để phòng, chống các thế lực thù địch chống phá Đảng, Nhà nước, Quân đội và Nhân dân, sẵn sàng sử dụng Quân đội nhân dân và Dân quân tự vệ trong tình trạng khẩn cấp về quốc phòng, an ninh quốc gia.

4. Tăng cường kiểm soát bảo đảm an ninh biên giới, đường mòn, lối mở; xuất cảnh, nhập cảnh, giữ vững an ninh chính trị, độc lập, chủ quyền quốc gia.

5. Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành liên quan, các địa phương trong tổ chức thực hiện và bố trí lực lượng tham gia ứng phó với tình trạng khẩn cấp, đảm bảo an sinh xã hội theo lĩnh vực được phân công quản lý.

6. Chỉ đạo lực lượng thuộc quyền phối hợp với các cơ quan chức năng và các địa phương tăng cường bám sát địa bàn, kiểm soát chặt chẽ việc thực hiện các biện pháp, giải pháp ứng phó với tình trạng khẩn cấp.

7. Phối hợp với Bộ Công an, bộ, ngành trung ương, cơ quan ngang bộ, địa phương đấu tranh với hoạt động lợi dụng tình trạng khẩn cấp để gây mất an ninh, trật tự, an toàn xã hội.

**Điều 49. Trách nhiệm của Bộ Công an**

1. Lập kế hoạch và phương án bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn xã hội khi có tình trạng khẩn cấp xảy ra, phối hợp với Bộ Quốc phòng, các bộ, cơ quan ngang bộ, địa phương tham gia cứu hộ, cứu nạn và khắc phục hậu quả do tình trạng khẩn cấp gây ra.

2. Tổ chức các lực lượng chức năng bảo đảm an ninh trật tự, an toàn xã hội và an ninh mạng, đặc biệt tại cơ sở và các địa bàn, khu vực cách ly, phong tỏa; tăng cường phòng ngừa, đấu tranh với các loại tội phạm, đặc biệt các hành vi chống đối lực lượng chức năng tham gia ứng phó tình trạng khẩn cấp; xử lý nghiêm các đối tượng lợi dụng chính sách trong tình trạng khẩn cấp.

3. Phối hợp với các bộ, ngành liên quan, các địa phương trong tổ chức thực hiện và bố trí lực lượng tham gia ứng phó tình trạng khẩn cấp, đảm bảo an sinh xã hội.

4. Chỉ đạo lực lượng công an phối hợp với các cơ quan chức năng và các địa phương tăng cường bám sát địa bàn, kiểm soát chặt chẽ việc thực hiện các biện pháp, giải pháp ứng phó với tình trạng khẩn cấp.

5. Chủ trì, phối hợp với bộ, ngành trung ương, cơ quan ngang bộ, địa phương đấu tranh với hoạt động lợi dụng tình trạng khẩn cấp để gây mất an ninh, trật tự, an toàn xã hội.

**Điều 50. Trách nhiệm của Bộ Y tế**

1. Căn cứ mức độ nguy cơ, diễn biến tình trạng khẩn cấp do dịch bệnh lớn để công bố, thông tin về tình hình dịch bệnh, mức độ ảnh hưởng và biện pháp

phòng, chống dịch bệnh.

2. Thực hiện các giải pháp nâng cao năng lực hệ thống y tế, nhất là y tế dự phòng, y tế cơ sở để sẵn sàng ứng phó với tình trạng khẩn cấp.

3. Chủ trì, phối hợp với Bộ Quốc phòng, Bộ Công an chuẩn bị sẵn sàng lực lượng cơ động để kịp thời tăng cường cho các địa phương trong trường hợp tình trạng khẩn cấp do dịch bệnh lớn vượt quá khả năng kiểm soát của địa phương.

4. Tổ chức mua sắm tập trung các vật tư, thiết bị cần thiết ứng phó với tình trạng khẩn cấp bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả.

5. Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương huy động hệ thống y tế công lập, tư nhân và các nguồn lực xã hội trong triển khai công tác dự phòng, điều trị, đầu tư cơ sở vật chất và các biện pháp ứng phó với tình trạng khẩn cấp theo đúng quy định.

6. Chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính và các cơ quan liên quan rà soát, đề xuất chính sách hỗ trợ phù hợp và bảo đảm trang thiết bị phòng hộ đối với lực lượng tham gia ứng phó với tình trạng khẩn cấp, đội ngũ bác sỹ, điều dưỡng, kỹ thuật viên, nhân viên y tế.

**Điều 51. Trách nhiệm của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn**

1. Phối hợp chặt chẽ với Bộ Giao thông vận tải, Bộ Công Thương, các địa phương bảo đảm điều kiện tạo thuận lợi, thông suốt cho sản xuất tiêu thụ nông sản tại khu vực xảy ra tình trạng khẩn cấp.

2. Chủ trì, phối hợp với Bộ, ngành trung ương, cơ quan ở địa phương thực hiện các biện pháp giảm nhẹ hậu quả tình trạng khẩn cấp do thiên tai theo quy định của pháp luật về phòng, chống thiên tai.

**Điều 52. Trách nhiệm của Bộ Giao thông vận tải**

1. Chủ trì, hướng dẫn các hoạt động thi công các dự án, công trình giao thông trong tình trạng khẩn cấp.

2. Chủ trì, phối hợp với Bộ, ngành trung ương, cơ quan ở địa phương có liên quan xây dựng và triển khai kế hoạch, phương án về sử dụng hạ tầng giao thông, các trang thiết bị trong phạm vi quản lý trong ứng phó, khắc phục hậu quả do tình trạng khẩn cấp xảy ra.

3. Rà soát hướng dẫn, kế hoạch đảm bảo giao thông, vận tải liên tỉnh, lưu thông hàng hóa, bảo đảm liên tục chuỗi cung ứng sản xuất trong tình trạng khẩn cấp.

4. Chuẩn bị lực lượng, phương tiện, vật tư cứu hộ giao thông, bảo đảm an toàn giao thông vận tải khi tình trạng khẩn cấp xảy ra.

5. Phối hợp với Bộ Quốc phòng, Bộ Ngoại giao trong việc cấp phép và phối hợp với lực lượng, phương tiện của nước ngoài thực hiện khi tình trạng khẩn cấp xảy ra.

**Điều 53. Trách nhiệm của Bộ Công Thương**

1. Quản lý chặt chẽ việc sản xuất, khai thác điện nguyên tử, khoáng sản, hóa chất độc hại, vật liệu nổ công nghiệp để hạn chế nguy cơ xảy ra thảm họa lớn trong lĩnh vực công nghiệp; quản lý chặt chẽ việc nhập khẩu, xuất khẩu các loại hóa chất độc, hóa chất nguy hiểm.

2. Phối hợp với Bộ, ngành có liên quan xây dựng kế hoạch dự trữ nguồn năng lượng để duy trì các hoạt động quốc phòng, an ninh, kinh tế - xã hội và phục vụ nhiệm vụ ứng phó tình trạng khẩn cấp.

3. Ổn định giá cả thị trường, bảo đảm các mặt hàng thiết yếu cho người dân tại khu vực xảy ra tình trạng khẩn cấp.

4. Chỉ đạo công tác bảo đảm hàng hóa, nguyên vật liệu, năng lượng để đáp ứng yêu cầu phục hồi sản xuất, kinh doanh và phát triển kinh tế - xã hội sau TTKC.

5. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan đề xuất cấp có thẩm quyền tháo gỡ khó khăn, vướng mắc đối với các dự án công nghiệp quan trọng; hỗ trợ tối đa các nhà máy duy trì và khôi phục sản xuất.

**Điều 54. Trách nhiệm của Bộ Tài nguyên và Môi trường**

1. Tổ chức quan trắc, thu thập và xử lý thông tin, xác định, đánh giá rủi ro thiên tai, phân vùng rủi ro thiên tai, theo dõi, giám sát thiên tai; thực hiện dự báo, cảnh báo, cung cấp kịp thời chính xác thông tin về thiên tai liên quan đến khí tượng, thủy văn, hải văn cho Ban Chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia và bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, địa phương liên quan, phương tiện thông tin đại chúng theo quy định.

2. Tổ chức nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ; hợp tác quốc tế trong việc dự báo, cảnh báo thiên tai; bồi dưỡng nghiệp vụ cho người làm công tác dự báo, cảnh báo; tuyên truyền, phổ biến kiến thức, kinh nghiệm và pháp luật về dự báo, cảnh báo thiên tai.

3. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan hướng dẫn xử lý, vận chuyển chất thải phát sinh trong tình trạng khẩn cấp.

**Điều 55. Trách nhiệm của Bộ Thông tin và Truyền thông**

1. Lập kế hoạch và chỉ đạo thực hiện việc bảo đảm an toàn, thông suốt cho mạng thông tin chung trong ứng phó với tình trạng khẩn cấp, đặc biệt là các hệ thống thông tin, nền tảng công nghệ phục vụ công tác ứng phó với tình trạng khẩn cấp.

2. Chuẩn bị dự phòng trang thiết bị thông tin chuyên dùng phục vụ phòng, chống các sự cố, thảm họa lớn trong tình trạng khẩn cấp.

3. Chỉ đạo các cơ quan thông tin đại chúng thực hiện việc thông tin, truyền thông về tình trạng khẩn cấp.

**Điều 56. Trách nhiệm của Bộ Xây dựng**

1. Chủ trì phối hợp với các bộ, ngành, địa phương hướng dẫn thi công các dự án, công trình xây dựng đảm bảo an toàn, linh hoạt trong tình trạng khẩn cấp.

2. Chủ trì cập nhật yêu cầu đảm bảo ứng phó với tình trạng khẩn cấp trong các quy hoạch xây dựng.

**Điều 57. Trách nhiệm của Bộ Tài chính**

1. Tổng hợp và bố trí dự toán ngân sách nhà nước để chi cho nhiệm vụ ứng phó, khắc phục hậu quả do tình trạng khẩn cấp gây ra theo quy định của Luật ngân sách nhà nước và Luật này.

2. Chủ trì tổng hợp, trình cấp có thẩm quyền quyết định về một số chính sách khuyến khích, hỗ trợ phù hợp, hiệu quả cho việc ứng phó với tình trạng khẩn cấp.

3. Đề xuất cấp có thẩm quyền bố trí ngân sách nhà nước và các nguồn lực hợp pháp theo quy định pháp luật; điều chỉnh, cắt giảm kinh phí của các nhiệm vụ chi khác để bảo đảm kinh phí cho công tác ứng phó tình trạng khẩn cấp.

**Điều 58. Trách nhiệm của Bộ Kế hoạch và Đầu tư**

1. Lồng ghép nội dung ứng phó, khắc phục hậu quả do tình trạng khẩn cấp gây ra trong kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của cả nước.

2. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan đề xuất các giải pháp tháo gỡ khó khăn, hỗ trợ doanh nghiệp tại khu vực xảy ra tình trạng khẩn cấp; chính sách ưu đãi thu hút các nhà đầu tư nước ngoài trong thời gian xảy ra và khắc phục sau tình trạng khẩn cấp.

**Điều 59. Trách nhiệm của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội**

1. Căn cứ vào tình hình thiệt hại, nhu cầu cứu trợ, đề xuất chính sách hỗ trợ cho các địa phương để sớm ổn định đời sống nhân dân vùng chịu ảnh hưởng do tình trạng khẩn cấp, trình cơ quan có thẩm quyền quyết định.

2. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan đề xuất các giải pháp bảo đảm an sinh xã hội, hỗ trợ trẻ em, người lao động, người sử dụng lao động; đề xuất các giải pháp khôi phục thị trường lao động.

3. Hướng dẫn việc lồng ghép giới trong các hoạt động ứng phó, khắc phục hậu quả do tình trạng khẩn cấp xảy ra.

**Điều 60. Trách nhiệm của Bộ Giáo dục và Đào tạo**

1. Phối hợp với Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Y tế rà soát hướng dẫn ứng phó với tình trạng khẩn cấp trong hoạt động giáo dục, đào tạo; lồng ghép kiến thức ứng phó với tình trạng khẩn cấp vào chương trình giảng dạy các cấp; nâng cao nhận thức cho học sinh, sinh viên và giáo viên về khả năng tự cứu và cứu người khác.

2. Thực hiện các giải pháp đảm bảo thực hiện hoạt động giáo dục - đào tạo an toàn, hiệu quả, phù hợp trong tình trạng khẩn cấp.

**Điều 61. Trách nhiệm của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch**

Hướng dẫn thực hiện các hoạt động văn hóa, thể thao, du lịch bảo đảm an toàn, linh hoạt, phù hợp trong, sau tình trạng khẩn cấp.

**Điều 62. Trách nhiệm của Bộ Khoa học và Công nghệ**

1. Tăng cường công tác nghiên cứu, triển khai các chương trình nghiên cứu, nhiệm vụ khoa học công nghệ phục vụ công tác ứng phó với tình trạng khẩn cấp.

2. Tham mưu hoặc ban hành các chính sách khuyến khích, hỗ trợ các cơ sở nghiên cứu, doanh nghiệp có điều kiện đào tạo nhân lực quản lý ứng phó khẩn cấp, nhân lực công nghệ, nghiên cứu, phát triển, phổ biến công nghệ, vật liệu, thiết bị, cụ mới để nâng cao khả năng ứng phó với tình trạng khẩn cấp. Huy động các nhà khoa học, chuyên gia nghiên cứu, đề xuất các giải pháp ứng phó với tình trạng khẩn cấp.

**Điều 63. Trách nhiệm của Bộ Nội vụ**

1. Hướng dẫn hoạt động của các cơ sở, địa điểm, hoạt động tôn giáo, tín ngưỡng, thờ tự đảm bảo ứng phó với tình trạng khẩn cấp.

2. Tham mưu cho Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ phát động các phong trào thi đua trong ứng phó với tình trạng khẩn cấp, khôi phục và phát triển kinh tế - xã hội.

3. Phối hợp với các bộ, ngành, địa phương đề xuất khen thưởng kịp thời các tập thể, cá nhân có thành tích trong ứng phó với tình trạng khẩn cấp và phục hồi kinh tế.

**Điều 64. Trách nhiệm của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ**

1. Ban hành hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành và chỉ đạo, hướng dẫn việc thực hiện văn bản quy phạm pháp luật về thuộc phạm vi quản lý ngành, lĩnh vực trong tình trạng khẩn cấp để các địa phương, cơ quan, tổ chức, cá nhân triển khai áp dụng.

2. Thực hiện các biện pháp kịp thời tháo gỡ khó khăn, xử lý các vấn đề đột xuất, phát sinh liên quan đến ứng phó với tình trạng khẩn cấp cho các địa phương trong phạm vi quản lý ngành, lĩnh vực.

3. Thực hiện mua sắm vật tư, trang thiết bị, phương tiện phục vụ ứng phó với tình trạng khẩn cấp đúng quy định; công khai, minh bạch, đảm bảo tiết kiệm và phòng, chống tiêu cực, lãng phí, tham nhũng.

4. Duy trì hoạt động sản xuất, các chuỗi cung ứng lao động, hàng hóa, dịch vụ, vật tư, nguyên liệu phục vụ sản xuất bảo đảm các yêu cầu về ứng phó với tình trạng khẩn cấp.

5. Thực hiện các biện pháp vận chuyển, lưu thông hàng hóa, vật tư, nguyên liệu phục vụ sản xuất an toàn, liên thông, thống nhất, thông suốt giữa các tỉnh, thành phố, địa bàn; thực hiện các giải pháp hỗ trợ bảo đảm sản xuất, cung ứng, lưu thông đối với nhóm hàng hóa là trang thiết bị, vật tư y tế, thuốc, hóa chất, ô xy y tế, phương tiện, dịch vụ phục vụ ứng phó với tình trạng khẩn cấp.

6. Cung ứng đầy đủ, kịp thời lương thực, thực phẩm, nhu yếu phẩm, sản phẩm thiết yếu ổn định đời sống của người dân, đặc biệt cung ứng trực tiếp đến người dân ở những khu vực phong tỏa, cách ly.

7. Kịp thời động viên, khen thưởng cơ quan, tổ chức, cá nhân trong thực hiện các biện pháp ứng phó với tình trạng khẩn cấp; tuyên truyền, hướng dẫn, vận động cơ quan, tổ chức, cá nhân thực hiện các quy định pháp luật, xử lý hành vi vi phạm pháp luật trong tình trạng khẩn cấp.

8. Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ theo chức năng, nhiệm vụ được giao có trách nhiệm xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện nhiệm vụ ứng phó với tình trạng khẩn cấp thuộc phạm vi quản lý.

**Điều 65. Trách nhiệm của Ủy ban Dân tộc**

1. Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương tăng cường công tác vận động người dân các vùng đồng bào dân tộc thiểu số tham gia công tác ứng phó với tình trạng khẩn cấp.

2. Chủ trì, phối hợp với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đề xuất các chính sách hỗ trợ đảm bảo an sinh xã hội cho đồng bào dân tộc thiểu số bị ảnh hưởng bởi tình trạng khẩn cấp.

**Điều 66. Trách nhiệm của Thông tấn xã Việt Nam, Đài Truyền hình Việt Nam, Đài Tiếng nói Việt Nam**

Thông tấn xã Việt Nam, Đài Tiếng nói Việt Nam, Đài Truyền hình Việt Nam chỉ đạo các cơ quan báo chí, truyền thông đưa tin kịp thời các biện pháp chủ động ứng phó tình trạng khẩn cấp, các biện pháp áp dụng và khắc phục hậu quả do tình trạng khẩn cấp; công khai Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc

hội hoặc Lệnh của Chủ tịch nước ban bố hoặc bãi bỏ tình trạng khẩn cấp.

**Điều 67. Trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên**

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên có trách nhiệm tuyên truyền, vận động Nhân dân chấp hành nghiêm chỉnh các quy định về tình trạng khẩn cấp, phối hợp và giúp đỡ các cơ quan, tổ chức, người thi hành các biện pháp trong tình trạng khẩn cấp về giám sát việc thi hành các quy định về tình trạng khẩn cấp.

**Điều 68. Trách nhiệm của chính quyền địa phương**

1. Hội đồng nhân dân các cấp, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, có trách nhiệm sau đây:

a) Quyết định chủ trương, biện pháp ứng phó với tình trạng khẩn cấp, ngân sách bảo đảm thực hiện ứng phó với tình trạng khẩn cấp tại địa phương theo quy định của pháp luật;

b) Giám sát việc tuân thủ Hiến pháp, pháp luật và thực hiện Nghị quyết của Hội đồng nhân dân về ứng phó với tình trạng khẩn cấp tại địa phương theo quy định của pháp luật.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn quyết định áp dụng các biện pháp ứng phó với tình trạng khẩn cấp, ngân sách bảo đảm thực hiện ứng phó với tình trạng khẩn cấp tại địa phương và báo cáo Hội đồng nhân dân tại kỳ họp gần nhất.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm:

a) Xây dựng, tổ chức thực hiện kế hoạch, phương án ứng phó với tình trạng khẩn cấp;

b) Căn cứ tình hình địa phương, báo cáo Thủ tướng Chính phủ trước khi quyết định các biện pháp ứng phó với tình trạng khẩn cấp;

c) Chỉ đạo, tổ chức các lực lượng, cơ quan, đơn vị bảo đảm an ninh quốc phòng, trật tự an toàn xã hội, phòng chống tội phạm và các hành vi vi phạm pháp luật trong tình trạng khẩn cấp; xây dựng phương án ứng phó với các diễn biến phức tạp về an ninh, trật tự trên địa bàn;

d) Thực hiện việc mua sắm vật tư, trang thiết bị, phương tiện để phục vụ công tác ứng phó với tình trạng khẩn cấp đúng quy định, đảm bảo công khai, minh bạch, chặt chẽ, phòng, chống tiêu cực, lãng phí, tham nhũng;

đ) Chỉ đạo tổ chức truyền thông, tuyên truyền cho cơ quan, tổ chức, cá nhân thực hiện nghiêm các quy định trong ứng phó với tình trạng khẩn cấp; xử lý nghiêm các hành vi vi phạm;

e) Thực hiện các biện pháp phòng ngừa tình trạng tham nhũng, tiêu cực, hạn chế tối đa lãng phí trong ứng phó với tình trạng khẩn cấp; kịp thời động viên, khen thưởng các cá nhân, tập thể có thành tích trong ứng phó với tình trạng khẩn cấp.

4. Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp tỉnh căn cứ tình hình thực tế của địa phương và nhu cầu công tác ứng phó khẩn cấp phải ký hợp đồng với các doanh nghiệp có điều kiện theo quy định pháp luật để sản xuất, cung cấp vật tư, nhu yếu phẩm và trang thiết bị ứng phó khẩn cấp khi cần thiết.

5. Các doanh nghiệp liên quan phải sản xuất và cung cấp vật tư ứng phó khẩn cấp, nhu yếu phẩm và trang thiết bị bảo đảm tiêu chuẩn, yêu cầu chất lượng sản phẩm quốc gia theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để ứng phó khẩn cấp khi có yêu cầu của Chính quyền địa phương.

6. Nhà nước khuyến khích công dân, tổ chức dự trữ vật tư tự cứu và nhu yếu phẩm cơ bản trong tình trạng khẩn cấp.

## CHƯƠNG IX
## BẢO ĐẢM ĐIỀU KIỆN THI HÀNH LUẬT

### Điều 69. Nguồn lực cho ứng phó tình trạng khẩn cấp

1. Nguồn tài chính cho ứng phó tình trạng khẩn cấp bao gồm:

a) Ngân sách nhà nước;

b) Nguồn đóng góp tự nguyện của tổ chức, cá nhân;

c) Quỹ phòng thủ dân sự và các quỹ tài chính nhà nước khác;

d) Nguồn tài chính khác theo quy định của pháp luật.

2. Nhà nước bảo đảm ngân sách cho ứng phó với tình trạng khẩn cấp theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước; ưu tiên bố trí ngân sách nhà nước ở khu vực biên giới, biển, hải đảo, khu vực trọng yếu, địa bàn trọng điểm.

3. Nhà nước có kế hoạch xây dựng dự trữ quốc gia để bảo đảm ứng phó với tình trạng khẩn cấp. Việc quản lý, sử dụng dự trữ quốc gia để bảo đảm ứng phó với tình trạng khẩn cấp thực hiện theo quy định của pháp luật về dự trữ quốc gia.

### Điều 70. Sử dụng các quỹ tài chính nhà nước trong tình trạng khẩn cấp

Trong tình trạng khẩn cấp, cơ quan có thẩm quyền quyết định việc sử dụng quỹ phòng thủ dân sự và các quỹ tài chính nhà nước khác để thực hiện các hoạt động ứng phó với tình trạng khẩn cấp trong trường hợp khác với mục đích sử dụng của các quỹ đó trong tình huống cụ thể.

### Điều 71. Chế độ, chính sách đối với người tham gia ứng phó tình trạng khẩn cấp

1. Người được điều động, huy động huấn luyện, diễn tập, làm nhiệm vụ ứng phó tình trạng khẩn cấp theo quyết định của cấp có thẩm quyền được hưởng trợ cấp; khi bị ốm đau, bị tai nạn, chết hoặc bị suy giảm khả năng lao động được hưởng chế độ bảo hiểm xã hội, trợ cấp tiền tuất, tiền mai táng phí, trường hợp

chưa tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc thì được nhà nước hỗ trợ để bù đắp tổn hại về sức khỏe, tính mạng theo quy định của pháp luật.

2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia, phối hợp, cộng tác, hỗ trợ hoạt động ứng phó trong tình trạng khẩn cấp có thành tích thì được khen thưởng; bị thiệt hại về tài sản thì được đền bù; bị tổn hại về danh dự, nhân phẩm thì được khôi phục; người bị thương tích, tổn hại sức khỏe, tính mạng thì bản thân hoặc gia đình được hưởng chế độ, chính sách theo quy định của pháp luật.

**Điều 72. Giám sát, kiểm tra, theo dõi việc tuân thủ pháp luật trong việc thi hành Nghị quyết hoặc Lệnh ban bố tình trạng khẩn cấp và việc thi hành Luật Tình trạng khẩn cấp**

1. Quốc hội, cơ quan của Quốc hội, Đoàn đại biểu Quốc hội, Đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam trong phạm vi quyền hạn của mình, giám sát việc tuân theo pháp luật trong việc thi hành Nghị quyết hoặc Lệnh ban bố tình trạng khẩn cấp; thi hành Luật Tình trạng khẩn cấp.

2. Chính phủ, các bộ, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân các cấp trong phạm vi quyền hạn của mình kiểm tra việc tuân thủ pháp luật trong việc thi hành Nghị quyết, Lệnh ban bố tình trạng khẩn cấp và việc thi hành Luật Tình trạng khẩn cấp.

3. Bộ Quốc phòng giúp Chính phủ theo dõi chung việc thi hành pháp luật về tình trạng khẩn cấp.

## Chương X
## ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

**Điều 73. Sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ một số điều của các luật có liên quan đến tình trạng khẩn cấp**

Bãi bỏ Pháp lệnh về Tình trạng khẩn cấp năm 2000.

**Điều 74. Hiệu lực thi hành**

Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày      tháng      năm 2026

*Luật này được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV, Kỳ họp thứ ...   thông qua ngày ... tháng ... năm 2025*

**CHỦ TỊCH QUỐC HỘI**

**Trần Thanh Mẫn**